

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 - 4- 2021  
V/v: Tranh chấp ly hôn và con chung

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Trịnh Thị Kim Liên

- Bà Lương Thị Thúy Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái:**  
Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lương Thị H (tức Lương Thị Thu H), sinh năm 1982, có mặt

ĐKKHKT: Tổ dân phố 2, phường M, Tp Sông Công Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố 3, phường M, TP Sông Công, Thái Nguyên

**Bị đơn:** Anh Đào Xuân G, sinh năm 1980, vắng mặt

ĐKKHKT: Tổ dân phố 2, phường M, TP Sông Công, Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:***

Chị và anh Đào Xuân G kết hôn năm 2006 đăng ký tại UBND phường M thị xã Sông Công nay là TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã

ly tH từ tháng 3/2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh G để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đào Gia H1, sinh ngày 12/07/2007; Đào Mai H, sinh ngày 18/03/2011. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

***Tại bản tự khai bị đơn anh Đào Xuân G trình bày:***

Anh xác nhận thông tin về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn như chị Lương Thị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh có nhiều bất đồng quan điểm, cãi vã, không có tiếng nói chung. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Đào Gia H1, sinh ngày 12/07/2007; Đào Mai H, sinh ngày 18/03/2011. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ cho anh G nhưng anh G không hợp tác và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong bản tự khai anh Đào Xuân G khai làm việc tại Công TNHH sản xuất kinh doanh Trường Tín Sông Công. Tòa án đã đến Công ty Trường Tín Sông Công nơi anh G làm việc để xác minh thì được Công ty cung cấp: Anh G đã chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 25/11/2020 và không còn là công NH của Công ty nữa.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường M, thành phố Sông Công và Tổ dân phố 2, phường M, TP Sông Công xác định: Anh G là công dân của tổ dân phố 2, phường M, có sinh sống tại tổ dân phố, anh G đi làm cả ngày tối mới có mặt ở nhà. Anh Đào Xuân G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 2, phường M, Tp Sông Công, Thái Nguyên. Tại hồ sơ hộ khẩu số 2194 gồm có 4 NH khẩu là: Chị Lương Thị H là chủ hộ; anh Đào Xuân G là chồng cùng hai con là Đào Gia H1; Đào Mai H. Anh G chưa đăng ký cất hộ khẩu tại địa pH.

Tại phiên Toà, đại diện VKS NH dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền của Tòa án NH dân thành phố Sông Công.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng, không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì.

\* Về quan điểm giải quyết vụ án :

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu giao hai con chung Đào Gia H1, sinh ngày 12/07/2007; Đào Mai H, sinh ngày 18/03/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không chấp nhận yêu cầu giao con chung cho anh G, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh G cho đến khi chị H có yêu cầu. Anh G có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: Chị H, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H, anh G xác định không có

- Về án phí : Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Thị H khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung với bị đơn là anh Đào Xuân G. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 2, phường M, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Đào Xuân G kết hôn năm 2006, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu, hôn nhân là do tự nguyện, có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại đăng ký tại UBND phường M thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công), Thái Nguyên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị trong cuộc sống có những quan điểm không hợp nhau nên xảy ra cãi vã thường xuyên, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nay chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh G để ổn định cuộc sống, anh G đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng anh đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án anh G có đến Tòa án để viết bản tự khai và đồng ý ly hôn với chị H, tại phiên Tòa chị H kiên quyết đề nghị Tòa án cho ly

hôn với anh G vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy nền tảng cơ bản của hôn nhân là sự yêu thương tự nguyện của cả hai vợ chồng, nhưng vợ chồng đã ly hôn từ tháng 3/2020 và không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó yêu cầu xin ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Đào Xuân G là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị H và anh Đào Xuân G đều xác định trong quá trình chung sống đã có hai con chung Đào Gia H1, sinh ngày 12/07/2007; Đào Mai H, sinh ngày 18/03/2011. Cả chị H và anh G đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Ngày 09/12/2020 Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 35/QĐ-CCTLCC đối với chị H và anh G. Chị H đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về điều kiện, thu nhập ổn định để chăm sóc, giáo dục các con.

Hai con chung Đào Gia H1, sinh ngày 12/07/2007; Đào Mai H, sinh ngày 18/03/2011 có đơn trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn cháu mong muốn được ở với mẹ để thuận tiện cho việc đi học và mẹ cháu có thời gian, điều kiện chăm sóc, dạy dỗ tốt hơn.

Anh G vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nơi làm việc, chỗ ăn ở, sinh hoạt ổn định và thu nhập bình quân tháng của anh cho Tòa án.

Xét về điều kiện thực tế thấy: Chị H đang làm việc tại Hộ kinh doanh Đào Văn Chiến với ngành nghề kinh doanh vật liệu xây dựng, môi giới bất động sản. Chị có nơi ăn ở, sinh hoạt ổn định, lương bình quân hàng tháng là 8.000.000 đồng/tháng, chị H làm việc theo giờ hành chính sẽ có điều kiện, thời gian để chăm sóc hai con chung. Hơn nữa hai con chung còn nhỏ rất cần có sự quan tâm chăm sóc và dạy dỗ của người mẹ để các cháu có thể phát triển tốt về mọi mặt.

Từ những pH tích nêu trên thấy điều kiện nuôi con chung của chị H đảm bảo hơn anh G về thu nhập thực tế và chỗ ăn ở, sinh hoạt ổn định, thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nên xét cần thiết giao hai con chung cho chị Lương Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị Lương Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Đào Gia H1, sinh ngày 12/07/2007; Đào Mai H, sinh ngày 18/03/2011. Không chấp nhận yêu cầu nuôi hai con chung của anh Đào Xuân G.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị H không yêu cầu anh Đào Xuân G cấp dưỡng nuôi con chung, do đó tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh G cho đến khi chị H có yêu cầu. Anh G được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

[5] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hai bên đều xác định không có.

[7] Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H (tức Lương Thị Thu H)

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị H (tức Lương Thị Thu H) được ly hôn anh Đào Xuân G.

2. Về con chung: Giao hai con chung Đào Gia H1, sinh ngày 12/07/2007; Đào Mai H, sinh ngày 18/03/2011 cho chị Lương Thị H (tức Lương Thị Thu H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Anh G được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung, do đó tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh G cho đến khi chị H có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh G đều không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu

số 0008030 ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đào Xuân G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TP SCTN;
- Chi cục THATP SCTN;
- Các đương sự;
- UBND P.M, TP SCTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thị Lan Anh**

